

## VƯỚNG MẮC TRONG ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CẤP DƯỠNG CHO CON THEO LUẬT HIỆN HÀNH

*Đỗ Thị Huyền Thanh*

Trường Đại học Đồng Nai

Email: huyenthanh8383@gmail.com

(Ngày nhận bài: 19/4/2023, ngày nhận bài chỉnh sửa: 14/5/2023, ngày duyệt đăng: 25/5/2023)

### TÓM TẮT

*Trẻ em là những cá nhân yếu thế trong xã hội, những chủ thể cần được quan tâm và chăm sóc đầy đủ bởi gia đình và cộng đồng để phát triển toàn diện đến khi trưởng thành. Nếu được sinh ra và lớn lên trong một gia đình hạnh phúc, được yêu thương và chăm sóc bởi bố mẹ, đó thật sự là điều tuyệt vời. Nhưng trong trường hợp cha mẹ ly hôn, cha mẹ mất hoặc không có khả năng lao động, trẻ em có thể đối mặt với những tình huống khó khăn trong cuộc sống, bao gồm thiếu tình yêu thương, chăm sóc và không đủ nguồn tài chính để đáp ứng nhu cầu thiết yếu. Hiện nay, pháp luật đã có những quy định chi tiết về cấp dưỡng cho con khi bố mẹ không sống chung với con, giúp nâng cao trách nhiệm và ý thức của các bậc cha mẹ đối với con cái của mình. Tuy nhiên, các quy định này còn nhiều bất cập trong quá trình áp dụng và cần được nghiên cứu và hoàn thiện để đảm bảo quyền lợi cho trẻ em trong mọi hoàn cảnh.*

**Từ khóa:** *Vướng mắc trong cấp dưỡng cho con, quy định cấp dưỡng cho con, áp dụng quy định cấp dưỡng*

### 1. Đặt vấn đề

Cấp dưỡng cho con là một chủ đề nghiên cứu quan trọng trong việc bảo vệ đối tượng yếu thế tại Việt Nam, cụ thể là con chưa thành niên hoặc con đã thành niên nhưng không có khả năng lao động trong trường hợp họ không sống chung với cha mẹ hoặc cha mẹ vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng. Suốt hơn một thập kỷ qua, nhiều nỗ lực đã được đưa ra để cải thiện việc cấp dưỡng cho con tại Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay tranh chấp về cấp dưỡng vẫn khá phổ biến. Đôi khi tranh chấp kéo dài nhiều năm hoặc tình trạng trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ, hoặc mức cấp dưỡng thấp không đủ chi phí tối thiểu cho con. Các bất cập này xuất phát từ nhiều nguyên nhân: do pháp luật chưa có quy định thật chi tiết, chưa phù hợp với một số trường hợp cụ thể; cũng không loại trừ nguyên nhân do các bên tranh chấp chưa hiểu đúng quy

định của pháp luật, không quan tâm đúng mức nhu cầu tình cảm, lợi ích thực sự của con, dẫn đến tranh chấp kéo dài, gây khó khăn, tổn thương cho cả đôi bên và con cái... Điều này đòi hỏi cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện quy định pháp luật cũng như góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người trẻ em nói riêng và đối tượng yếu thế nói chung.

Bài báo khoa học này tập trung vào việc nghiên cứu về cơ sở lý luận về nghĩa vụ cấp dưỡng, thực trạng cấp dưỡng cho con, một số quy định cấp dưỡng cho con theo pháp luật Việt Nam và vướng mắc trong áp dụng pháp luật, đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng cấp dưỡng cho con tại Việt Nam. Chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích tài liệu, các văn bản pháp luật liên quan đến cấp dưỡng cho con, một số bản án thực tế từ Tòa án nhân dân để từ đó đưa ra những nhận định, đánh giá và đề

xuất cụ thể để giải quyết các vấn đề liên quan đến tình trạng bất cập về cấp dưỡng cho con tại Việt Nam.

Qua đó, hy vọng bài báo sẽ cung cấp những thông tin hữu ích và góp phần nâng cao ý thức của xã hội về trách nhiệm cấp dưỡng cho con và bảo vệ quyền lợi cho đối tượng yếu thế tại Việt Nam, đồng thời góp phần xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến cấp dưỡng cho con.

## 2. Nội dung

### 2.1. Cơ sở lý luận về cấp dưỡng cho con

#### 2.1.1. Khái niệm cấp dưỡng, nghĩa vụ cấp dưỡng

Xét trên góc độ ngôn ngữ học, “cấp” có nghĩa là cung cấp, chu cấp (Viện Ngôn ngữ học, 2003). Đặt trong bối cảnh có thể được hiểu là sự chu cấp về tài chính, vật chất. Tương tự, “dưỡng” là sự nuôi dưỡng, dưỡng dục (Viện Ngôn ngữ học, 2003). Như vậy có thể hiểu “cấp dưỡng” là sự chu cấp về mặt tài chính, vật chất để nuôi dưỡng, chăm sóc cá nhân nào đó. Tuy nhiên, nếu chỉ hiểu trên phương diện ngôn ngữ học thì chưa thể phân biệt được khái niệm cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

Xét về mặt pháp lý, khoản 24, điều 2, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận khái niệm về cấp dưỡng như sau: “Cấp dưỡng là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên, người đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình hoặc người gặp khó khăn, túng thiếu theo quy định của Luật này” (Quốc hội, 2014).

Như vậy, quan hệ cấp dưỡng tồn tại giữa hai chủ thể, một bên là người có nghĩa vụ cấp dưỡng và một bên là người nhận cấp dưỡng. Quan hệ cấp dưỡng là quan hệ có điều kiện, tương ứng với mỗi quan hệ khác nhau giữa các thành viên trong gia đình.

Theo từ điển Luật học, nghĩa vụ là “việc phải làm theo bổn phận của mình” (Bộ Tư pháp - Viện Khoa học pháp lý, 2006). Dưới góc độ ngôn ngữ học, nghĩa vụ được hiểu là “việc buộc phải làm đối với xã hội, đối với người khác mà pháp luật hay đạo đức quy định” (Viện Ngôn ngữ học, 2003). Cùng với khái niệm cấp dưỡng, có thể hiểu nghĩa vụ cấp dưỡng là một nghĩa vụ pháp lý mà một người bắt buộc phải làm đối với người chưa thành niên, người đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình hoặc người gặp khó khăn, túng thiếu mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng với người phải cấp dưỡng bằng việc đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho họ phù hợp với khả năng thực tế của mình, để bù đắp những tổn thất về mặt vật chất cho chủ thể nhận cấp dưỡng khi không được chung sống đồng thời với người cấp dưỡng.

#### 2.1.2. Đặc điểm nghĩa vụ cấp dưỡng

Nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 107, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như sau:

“1. Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; giữa anh, chị, em với nhau; giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột; giữa vợ và chồng theo quy định của Luật này.

Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác” (Quốc hội, 2014).

Nghĩa vụ cấp dưỡng có đặc điểm sau:

*Thứ nhất*, nghĩa vụ cấp dưỡng chỉ phát sinh giữa các chủ thể trên cơ sở hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng.

Điều này có nghĩa các bên không có quyền tự ý quyết định có cấp dưỡng hay không mà phải tuân theo các quy định pháp lý và trách nhiệm đạo đức của mình đối với người có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng với mình. Nghĩa vụ cấp dưỡng là một biểu hiện của sự gắn kết và tôn trọng giữa các thành viên trong gia đình, cũng như sự bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người yếu thế và cần được cấp dưỡng.

*Thứ hai*, nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác.

Quan hệ cấp dưỡng là quan hệ tài sản gắn liền với nhân thân của các bên trong quan hệ cấp dưỡng. Vì vậy, nghĩa vụ cấp dưỡng là nghĩa vụ không được chuyển giao cho người khác mà phải do chính người có nghĩa vụ thực hiện và việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cũng phải được thực hiện cho người có quyền được cấp dưỡng.

Người có nghĩa vụ cấp dưỡng hay người được nhận cấp dưỡng không được đơn phương hay thỏa thuận việc thay thế nghĩa vụ cấp dưỡng bằng nghĩa vụ khác. Điều đó có nghĩa là bên có nghĩa vụ cấp dưỡng không thể cam kết sẽ dùng nghĩa vụ khác để thay thế, bù trừ nghĩa vụ cấp dưỡng như là bồi thường thiệt hại hay phạt vi phạm; hoặc cũng không thể sử dụng nghĩa vụ cấp dưỡng làm cơ sở cho những nghĩa vụ khác.

Đồng thời, chủ thể có nghĩa vụ cấp dưỡng cũng không thể chuyển giao nghĩa

vụ này cho bất cứ ai. Nếu như một người có nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải tự mình thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng mà không thể chuyển giao nghĩa vụ cho bên thứ ba thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thay mình.

Tính không thể chuyển giao và không thể thay thế của nghĩa vụ cấp dưỡng nói riêng, quyền nhân thân nói chung đã được ghi nhận tại Điều 25, Bộ luật dân sự năm 2015, theo đó: “quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật này là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác” (Quốc hội, 2015).

*Thứ ba*, nghĩa vụ cấp dưỡng là một nghĩa vụ có điều kiện phụ thuộc vào tình hình và khả năng thực tế của các bên. Điều này có nghĩa là nghĩa vụ cấp dưỡng chỉ tồn tại khi một bên có nhu cầu được cấp dưỡng và bên kia có khả năng cung cấp cấp dưỡng. Nếu một trong hai điều kiện này không đáp ứng, nghĩa vụ cấp dưỡng sẽ không tồn tại hoặc sẽ chấm dứt. Ngoài ra, nghĩa vụ cấp dưỡng cũng có thể thay đổi theo sự thay đổi của tình hình và khả năng của các bên. Ví dụ, nếu người nhận cấp dưỡng có khả năng lao động và tự nuôi mình, hoặc người cấp dưỡng gặp khó khăn kinh tế và không đủ khả năng cung cấp cấp dưỡng, nghĩa vụ cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp.

### 2.1.3. Tầm quan trọng của nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là một trong những nghĩa vụ quan trọng nhất mà người cha, người mẹ phải thực hiện. Nghĩa vụ này đảm bảo cho con cái được nuôi dưỡng và chăm sóc đầy đủ, đồng thời tạo ra một mối quan hệ tình cảm chặt chẽ giữa cha mẹ và con cái. Điều này đặc

biệt quan trọng trong bối cảnh bố mẹ ly hôn hoặc trong trường hợp một trong hai người mất đi.

Nghĩa vụ cấp dưỡng còn là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm gắn kết các thành viên trong gia đình trong một cộng đồng trách nhiệm. Khi các giá trị đạo đức bị thay đổi thì quy phạm pháp luật sẽ là sợi dây gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau, làm thức tỉnh ở họ ý thức trách nhiệm đối với những người có quan hệ gia đình

Hơn nữa, nghĩa vụ cấp dưỡng còn giúp củng cố chức năng xã hội của gia đình. Việc đảm bảo cuộc sống thiết yếu cho con cái, người già và người tàn tật giúp tạo ra môi trường sống trong gia đình tốt đẹp hơn. Nó cũng giúp củng cố mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, tăng cường trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng người khác.

Ngoài ra, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là một phần không thể thiếu trong việc thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của gia đình. Gia đình là nơi để con cái được sinh sống và phát triển, nghĩa vụ cấp dưỡng giúp đảm bảo rằng sứ mệnh này được hoàn thành một cách tốt nhất.

Như vậy, có thể thấy rằng, nghĩa vụ cấp dưỡng có ý nghĩa rất quan trọng, là nghĩa vụ được pháp luật hầu hết các quốc gia trên thế giới ghi nhận và bảo vệ.

## **2.2. Thực trạng áp dụng quy định cấp dưỡng cho con hiện nay**

### **2.2.1. Thực trạng chung về áp dụng quy định cấp dưỡng cho con**

Cấp dưỡng cho con là một nghĩa vụ pháp lý của cha mẹ đối với con khi không sống chung với con hoặc vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, thực tế, khi áp dụng quy định này còn

gặp nhiều vướng mắc, khó khăn. Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, giai đoạn 2021-2022, có 100.618 vụ án liên quan đến việc cấp dưỡng cho con trong tổng số 125.773 vụ án ly hôn, chiếm đến 80% trong tổng số vụ án về hôn nhân gia đình (Tòa án nhân dân tối cao, 2022). Điều này cho thấy việc cấp dưỡng cho con là vấn đề phổ biến và nhạy cảm trong các vụ án ly hôn.

Trước hết, chúng tôi đề cập những thuận lợi trong quá trình áp dụng quy định cấp dưỡng cho con.

Cấp dưỡng là một chế định pháp lý tiếp tục được kế thừa và bổ sung tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; bước đầu tạo nền tảng pháp lý cơ bản để Tòa án áp dụng giải quyết các vụ án hôn nhân gia đình trong thời gian qua.

Tòa án tối cao cũng như Tòa án các cấp tổ chức nhiều hoạt động đào tạo nghiệp vụ cho thẩm phán, thư ký, đồng thời đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và trao đổi những thắc mắc trong quá trình áp dụng luật. Hoạt động này đã giúp việc áp dụng pháp luật thực hiện đúng theo qui định và góp phần bảo vệ quyền lợi của đối tượng yếu thế.

Các bên liên quan có thể yêu cầu các cơ quan chức năng can thiệp để giải quyết các tranh chấp liên quan đến cấp dưỡng cho con, hoặc cơ quan Tòa án có thể quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ quyền lợi cho con trong trường hợp cần thiết như Tòa án thu thập, xác minh nguồn thu nhập của cha mẹ thông qua việc phối hợp và hỗ trợ của các tổ chức, cơ quan doanh nghiệp liên quan.

Bên cạnh thuận lợi cũng còn tồn tại nhiều khó khăn. Đó là bất cập trong một số quy định pháp luật, quy định pháp luật vẫn chưa đầy đủ, rõ ràng, mâu thuẫn. Do

đó, các bên liên quan thiếu hiểu biết về quy định cấp dưỡng cho con, hoặc cố tình trốn tránh trách nhiệm của mình, hoặc có sự tranh chấp và không đồng ý với mức cấp dưỡng được quy định. Kết quả, việc áp dụng pháp luật tùy thuộc vào nhận định chủ quan của thẩm phán, gây ra sự bất bình đẳng giữa các Tòa án. Tình trạng án tồn nhiều tại nhiều nơi cũng gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của đứa con - người đang rất cần khoản cấp dưỡng để trang trải các chi phí cho cuộc sống hằng ngày.

Theo các bản án tiêu biểu của Tòa án nhân dân tối cao, có nhiều trường hợp Tòa án đã xét xử công bằng và hợp lý về việc cấp dưỡng cho con, căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Tuy nhiên, cũng không ít trường hợp Tòa án đã giải quyết vấn đề cấp dưỡng với mức giá quá thấp. Theo khảo sát của Học viện Tư pháp năm 2021, về mức cấp dưỡng, có 90% người được cấp dưỡng hoặc người đại diện cho người được cấp dưỡng cho rằng mức cấp dưỡng do Tòa án ấn định hoặc do các bên thỏa thuận là không đủ để đáp ứng nhu cầu tối thiểu của đứa con (Học viện Tư pháp, 2021).

### *2.2.2. Vương mắc trong áp dụng một số quy định cấp dưỡng cho con*

#### *2.2.2.1. Về đối tượng được cấp dưỡng*

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định chủ thể có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con có phạm vi khá rộng và phải tuân theo thứ tự ưu tiên. Trách nhiệm cấp dưỡng trước tiên thuộc về cha mẹ - người sinh thành đứa trẻ hoặc cha mẹ nuôi đứa trẻ. Nếu ba mẹ đứa trẻ mất thì ông, bà nội ngoại sẽ là đối tượng tiếp theo có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu, nếu không có ông

bà ngoại thì anh chị ruột đủ 18 tuổi trở lên trong gia đình gánh vác nghĩa vụ trên. Cuối cùng, cô di chú bác (ruột) có nghĩa vụ cấp dưỡng của đứa trẻ nếu không có người cấp dưỡng trên. Tuy nhiên, trong đề tài này, chúng tôi chỉ tập trung vào nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con của mình trong hai trường hợp sau: (1) trường hợp cha mẹ cấp dưỡng cho con trong trường hợp không sống cùng với con như cha mẹ ly hôn, cấp dưỡng cho con khi xác định cha hoặc mẹ ruột cho con (trường hợp cặp nam nữ không kết hôn mà có con) hoặc cấp dưỡng cho con nuôi và (2) trường hợp cha mẹ cấp dưỡng cho con trong trường hợp sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ về nuôi dưỡng (Quốc hội, 2014).

Điều 110, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con” (Quốc hội, 2014). Theo đó, đối tượng được hưởng cấp dưỡng cho con gồm: con chưa thành niên và con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Cụ thể:

Đối với con chưa thành niên: Con chưa thành niên là con chưa đủ 18 tuổi theo quy định tại khoản 1, Điều 21, Bộ luật dân sự năm 2015, cha mẹ đương nhiên có nghĩa vụ nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trường hợp cha mẹ ly hôn, người không trực tiếp sống chung với con vẫn có trách nhiệm cấp dưỡng cho con, có thể thông qua việc chi trả tiền cấp dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho con cho đến khi con trưởng thành hoặc trong

trường hợp vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng. Con chưa thành niên là những đứa trẻ còn non nớt, nhận thức chưa đầy đủ, chưa có khả năng tạo ra nguồn thu nhập để tự nuôi sống bản thân. Vì vậy, việc quy định cha mẹ không trực tiếp sống chung với con phải cấp dưỡng là hoàn toàn hợp lý, nhằm bảo vệ quyền lợi của con chưa thành niên và đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ.

Hiện nay, tình trạng gia tăng của các trường hợp cha mẹ sống chung với con nhưng không nuôi dưỡng con đúng mực đang trở thành một bài toán khó giải quyết trong lĩnh vực pháp lý. Những hành động bạo lực, xâm hại thể xác, tinh thần cũng như bỏ bê chăm sóc con của một số cha mẹ không chỉ gây tổn thương tới sức khỏe, tâm lý của trẻ em mà còn gây ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển của xã hội. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như Luật Trẻ em năm 2016; được sửa đổi, bổ sung năm 2018 không đưa ra khái niệm cụ thể về “nuôi dưỡng” cũng như các tiêu chí xác định một đứa trẻ sẽ được đảm bảo nuôi dưỡng như thế nào để đáp ứng các điều kiện vật chất tối thiểu, phát triển bình thường. Do đó, mặc dù có nhiều cha, mẹ có hành vi vi phạm nghĩa vụ “nuôi dưỡng” khi đang sống chung với con nhưng không bị buộc phải cấp dưỡng do thiếu căn cứ pháp lý.

Đối với con đã thành niên (là cá nhân đủ 18 tuổi trở lên), lứa tuổi này đã có sự trưởng thành về mặt nhận thức và thể chất nên có thể tham gia quan hệ pháp luật lao động tạo ra tài chính để tự nuôi bản thân nên cha mẹ không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên, khi đứa con này đủ 18 tuổi nhưng rơi vào bất lợi về mặt nhận thức, thể chất (khó có khả năng lao động để tạo ra tài chính nuôi sống bản

thân do bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, bị bệnh) thì pháp luật quy định cha, mẹ vẫn có trách nhiệm cấp dưỡng cho con. Cấp dưỡng của cha mẹ sẽ là nguồn tài chính giúp họ trang trải chi tiêu tối thiểu trong cuộc sống. Đây là quy định rất nhân văn. Để được cấp dưỡng trong trường hợp này, con thành niên phải đáp ứng hai điều kiện: mất khả năng lao động và không có tài sản nuôi sống bản thân. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể các xác định như thế nào được xem là “người không có khả năng lao động” và “không có tài sản nuôi sống bản thân”.

Theo *Từ điển Luật học*, “không có khả năng lao động” được hiểu là tình trạng sức khỏe của cá nhân không có khả năng thực hiện bất kỳ công việc nào do các nguyên nhân như bệnh tật, thương tật, tật nguyên hoặc tuổi già (Bộ Tư Pháp - Viện Khoa học pháp lý, 2006). Tình trạng này có thể gây ra sự khó khăn trong việc tự chăm sóc, sinh hoạt hằng ngày và tham gia các hoạt động xã hội. Cơ sở chính để xác định người không có khả năng lao động thường là dựa trên kết quả khám sức khỏe hoặc khám bệnh của người đó, bao gồm các kết quả về chức năng cơ thể, thị lực, thính lực, khả năng di chuyển, trí tuệ, tâm lý, v.v... Bên cạnh đó, cơ sở xác định này cũng có thể dựa trên các thông tin về lịch sử bệnh tật và điều trị, những tác động của bệnh tật đến cuộc sống hằng ngày. Chuyên gia y tế cho rằng những trường hợp không có khả năng lao động thường là những người bị tật nguyên, bị các bệnh nặng như bệnh tâm thần nặng, bệnh như ung thư giai đoạn cuối, suy tim, suy thận nặng, người tàn tật, mất sức lao động, người bị khuyết tật về mắt, tai, chi hoặc các khuyết tật...

Tuy nhiên, do không có quy định hay hướng dẫn cụ thể thực tiễn xét xử, việc nhận định “không có khả năng lao động” tùy thuộc vào sự đánh giá của thẩm phán, hội đồng xét xử trong từng vụ án cụ thể. Điều này dẫn đến việc áp dụng không thống nhất, tùy tiện.

Tiêu chí “không có tài sản để tự nuôi mình” cũng chưa có hướng dẫn cụ thể. Theo tinh thần điều luật, con đã thành niên mà không có khả năng lao động nhưng có tài sản sẽ không còn nằm trong đối tượng được cấp dưỡng mà không quan tâm đến giá trị tài sản mà đưa con đang sở hữu. Nhưng trên thực tế có trường hợp con thành niên, không có khả năng lao động, có tài sản nhưng giá trị tài sản thấp không đủ để đáp ứng các nhu cầu sống thiết yếu cho cuộc sống. Do đó, họ vẫn cần nguồn cấp dưỡng từ cha mẹ.

#### 2.2.2.2. Về mức cấp dưỡng

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, mức cấp dưỡng được hiểu là số tiền hoặc giá trị tài sản khác được đóng góp để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Tại Điều 116, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết” (Quốc hội, 2014). Như vậy, pháp luật hiện hành không quy định mức cấp dưỡng là một con số cụ thể mà mức cấp dưỡng để cho các bên linh hoạt tự thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp

dưỡng. Khoản 20, Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình” (Quốc hội, 2014). Tuy nhiên, quy định này chưa rõ và đến nay Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không có quy định và Tòa án nhân dân tối cao cũng chưa có hướng dẫn cụ thể về “thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng”.

Theo khảo sát của Học viện Tư pháp năm 2021 về mức cấp dưỡng cho con, có 90% người được cấp dưỡng hoặc người đại diện cho người được cấp dưỡng cho rằng mức cấp dưỡng do Tòa án ấn định hoặc do các bên thỏa thuận là không đủ để đáp ứng nhu cầu tối thiểu của đứa con (Học viện Tư pháp, 2021). Đồng thời qua nghiên cứu các bản án tại Tòa chúng tôi thấy rằng, mặc dù các bên đạt được sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nhưng nhiều trường hợp mức cấp dưỡng quá thấp (dưới 1 triệu đồng/tháng), mức này không đảm bảo được chi phí cho nhu cầu thiết yếu của đứa trẻ ở hầu hết các vùng miền (Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, 2020), (Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, 2020). Trường hợp này thường rơi vào các cặp vợ chồng ở vùng quê, không am hiểu pháp luật, chưa hiểu rõ mức cấp dưỡng nên yêu cầu rất thấp và vô hình trung không đảm bảo quyền lợi của con mình.

Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được, họ được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Để xác định mức cấp dưỡng cụ thể, thực tế Tòa án thường căn

cứ vào chứng từ, hóa đơn... liên quan đến chi phí hợp lý để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Tuy nhiên, không phải giao dịch dân sự nào cũng có hóa đơn, chứng từ rõ ràng. Trong khi ở Việt Nam không có cơ chế kiểm tra hay hệ thống kiểm tra thu nhập công khai trên hệ thống. Đôi khi người cấp dưỡng còn cố tình trốn tránh bằng cách giấu các thông tin về tài sản và nguồn thu nhập, vô tình trung khó dự tính được mức cấp dưỡng cho con. Ngoài ra, Tòa án hiện tại thường vận dụng tinh thần quy định của Công văn số 24/1999/KHXX của Tòa án nhân dân tối cao. Cụ thể là: “Tòa án phải xem xét đến khả năng kinh tế nói chung và thu nhập nói riêng của người phải đóng góp phí tổn cũng như khả năng kinh tế nói chung và thu nhập nói riêng của nuôi dưỡng con. Trong đó mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con” (Tòa án nhân dân tối cao, 1999) để làm căn cứ giải quyết. Tuy nhiên, văn bản này đã hết hiệu lực quá lâu và mức cấp dưỡng quá ít, không theo kịp với mức sống hiện nay của trẻ em.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nhận cấp dưỡng trong trường hợp các bên đạt được thoả thuận về mức cấp dưỡng nhưng thấp so với mức sống tối thiểu của con hoặc trường hợp Tòa án giải quyết mức cấp dưỡng nhưng không thể xác định được thu nhập thực tế của người phải cấp dưỡng, chúng tôi cho rằng cần thiết phải có quy định về mức cấp dưỡng tối thiểu. Mức cấp dưỡng thường phụ thuộc vào mức sống và chi phí sinh hoạt của trẻ ở từng địa phương, cũng như độ tuổi của trẻ. Để đảm bảo mức sống tối

thiểu cho một đứa trẻ theo vùng miền, tôi đề xuất sử dụng lương tối thiểu vùng làm cơ sở để xác định mức cấp dưỡng tối thiểu và mức cấp dưỡng tối thiểu bằng 1/2 lương tối thiểu vùng để có thể đáp ứng được một phần nhu cầu về học tập, sinh hoạt, ăn mặc của con.

### 2.2.2.3. Về thời điểm cấp dưỡng

Thời điểm cấp dưỡng cho con là thời điểm người cấp dưỡng bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của mình. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản hướng dẫn cho tới nay vẫn chưa có quy định về thời điểm cấp dưỡng cho con. Điều này dẫn đến áp dụng pháp luật không thống nhất tại Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp. Qua nghiên cứu các bản án tại Tòa án, chúng tôi nhận thấy hiện nay có ba quan điểm để xác định thời điểm cấp dưỡng cho con.

Quan điểm thứ nhất: Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi quyết định, bản án sơ thẩm có hiệu lực. Quan điểm này khá phổ biến và thực tiễn Tòa án thường áp dụng vì tiện lợi và dễ dàng, ít phải chứng minh. Ví dụ: Bản án số 1706/2022/HNGĐ-ST ngày 16/12/2022 “Ông Lê Thành L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng số tiền 5 triệu đồng/ 02 trẻ (mỗi trẻ 2,5 triệu đồng) cho đến khi hai con đủ 18 lần lượt tròn 18 tuổi thi hành khi án có hiệu lực pháp luật” (Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, 2022). Tuy nhiên, trong một số trường hợp, gây bất lợi cho người cấp dưỡng khi vụ việc giải quyết hôn nhân kéo dài nhiều năm và đương nhiên đứa trẻ bị mất một khoản cấp dưỡng tương ứng với thời gian chưa xét xử vụ án.

Quan điểm thứ hai: Thời điểm cấp dưỡng được tính từ thời điểm các bên thoả thuận với nhau và Tòa án ghi cụ thể



vào quyết định hoặc bản án. Như quyết định số 52/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn ghi nhận: “Anh H và Chị Qu thống nhất thỏa thuận chị Qu trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2 triệu đồng kể từ tháng 12/2022 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi” (Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, 2022). Thực tế, hiện nay quan điểm này được áp dụng khá phổ biến tại Tòa án vì đề cao sự thỏa thuận giữa các bên, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, Thẩm phán thường giải thích pháp luật và khuyến khích việc các bên thỏa thuận với nhau góp phần giải quyết vụ án nhanh, đỡ tốn thời gian và chi phí. Do đó, thời điểm thực hiện nghĩa vụ cho con trong trường hợp này có thể là trước hoặc sau khi bản án có hiệu lực pháp luật một khoảng thời gian tùy vào việc các bên thỏa thuận ấn định thời điểm nào.

Quan điểm thứ ba: Thời điểm cấp dưỡng tính từ thời điểm người bố hoặc mẹ không sống chung cùng con. Theo quy định tại Điều 110, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con” (Quốc hội, 2014) thì nghĩa vụ cấp dưỡng được đặt ra khi cha, mẹ không còn sống chung với con. Điều luật hoàn toàn không giới hạn về việc chỉ cấp dưỡng khi cha, mẹ ly hôn và cơ quan xét xử cũng không có quyền đi vào cửa hẹp để cho rằng chỉ cấp dưỡng khi ly hôn. Việc cha, mẹ là người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con khi không còn sống chung với con là hoàn

toàn phù hợp với thực tiễn, bởi lẽ suy cho cùng việc cấp dưỡng là để tạo điều kiện cho con sống và phát triển một cách đầy đủ, toàn diện. Theo đó, trong trường hợp vợ chồng ly thân trước khi ly hôn thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con kể từ ngày ly thân theo quy định tại Điều 110, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hoặc trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng, phụ nữ sinh con và chăm sóc con một mình sau một thời gian mới yêu cầu cấp dưỡng từ phía người cha thì thời điểm cấp dưỡng phải được tính từ khi đứa trẻ sinh ra. Tuy nhiên, để xác định thời điểm người bố hoặc mẹ không sống chung cùng con khá phức tạp, đòi hỏi khó hơn trong việc xác minh thu thập chứng cứ của người yêu cầu cấp dưỡng và Tòa án. Do đó, thực tế tại Tòa án ít áp dụng quan điểm này.

Theo tác giả, pháp luật nên quy định cụ thể về thời điểm cấp dưỡng để việc áp dụng pháp luật được thống nhất ở các Tòa, tránh sự khác biệt trong các vụ án giống nhau mà có sự khác biệt. Theo tác giả nên quy định thời điểm cấp dưỡng như sau: “Thời điểm cấp dưỡng cho con được xác định là thời điểm các bên thỏa thuận được và Tòa án ghi cụ thể vào bản án hoặc quyết định của Tòa; nếu trong trường hợp không thỏa thuận được thì thời điểm cấp dưỡng cho con được xác định từ thời điểm cha mẹ không sống chung với con; trường hợp cha mẹ vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng thì thời điểm cấp dưỡng được tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng.”

### 2.2.2.3. Về quy định đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng

Pháp luật hiện hành đã có những quy định khá đầy đủ làm cơ sở thực thi nghĩa

vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều cha mẹ từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật mặc dù đã có quyết định hoặc bản án của Tòa. Người có hành vi từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng thì tùy vào tính chất, mức độ của hành vi mà có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể:

Về hành chính, Điều 57 Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định:

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

+ Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn; từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng giữa anh, chị, em với nhau, giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu theo quy định của pháp luật.

+ Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng cha, mẹ; nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.” Đồng thời áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả như buộc thực hiện nghĩa vụ đóng góp, nuôi dưỡng theo quy định.

Như vậy, chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng đã được tăng lên khá cao, đủ sức răn đe đối với các chủ thể vi phạm (Chính phủ, 2021).

Về hình sự, Điều 380, Bộ luật Hình sự quy định: “Người nào có nghĩa vụ cấp dưỡng và có khả năng thực tế để thực hiện việc cấp dưỡng đối với người mà mình có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án mà từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, làm cho người được cấp dưỡng lâm tình trạng nguy

hiểm đến tính mạng, sức khỏe hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm” (Quốc hội, 2015).

Từ quy định này cho thấy, hành vi từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi thuộc một trong hai trường hợp: Một là hành vi này là nguyên nhân để lại hậu quả người được cấp dưỡng lâm tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe. Hai là đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

Về mặt dân sự, thực tế cho thấy mặc dù đã có quyết định bản án của Tòa nhưng nhiều cha mẹ vẫn cố tình trốn tránh cấp dưỡng cho con. Việc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của con, đặc biệt trong giai đoạn các con cần khoản tiền trang trải cho cuộc sống hằng ngày. Vậy, chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng có phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ không?

Hiện nay, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chưa có quy định về vấn đề trên. Theo thực tiễn xét xử tại Tòa án có hai quan điểm:

Quan điểm thứ nhất: Thẩm phán buộc người chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo khoản 2, Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015. Điển hình là vụ “Hồ Thanh T cấp dưỡng cho cháu Dương Thị Huỳnh A1, sinh ngày 06/3/2003 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thực hiện từ tháng 12/2019 đến khi cháu Huỳnh A1 tròn 18 tuổi, lao động được. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật

(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015” (Tòa án nhân dân Quận Tân Bình – TP Hồ Chí Minh, 2016).

Quan điểm thứ hai: Thẩm phán không buộc người chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, cụ thể Bản án số 1706/2022/HNGĐ-ST ngày 16/12/2022 “Ông Lê Thành L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng số tiền 5 triệu đồng/02 trẻ (mỗi trẻ 2,5 triệu đồng) cho đến khi hai con đủ 18 lần lượt tròn 18 tuổi thi hành khi án có hiệu lực pháp luật” (Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, 2022).

Rõ ràng, Tòa án áp dụng pháp luật không thống nhất, vô hình trung có sự khác biệt trong đường hướng xét xử vô tình tạo sự bất bình đẳng trong các vụ án tại các khu vực khác nhau.

Cấp dưỡng là nghĩa vụ tài sản gắn liền với nhân thân của người phải cấp dưỡng, không thể chuyển giao cho người khác. “Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hằng tháng, hằng quý, nửa năm, hằng năm hoặc một lần” (Quốc Hội, 2014). Hơn nữa, theo quy định tại Điều 282, Bộ luật dân sự năm 2015: “Nghĩa vụ được thực hiện theo định kỳ theo thỏa thuận, theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Việc chậm thực hiện nghĩa vụ

theo từng kỳ cũng bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ” (Quốc hội, 2015).

Theo điều 357, Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

Theo tác giả, việc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (bằng tiền) cũng có tính chất giống như chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên người chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời, việc quy định lãi chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng còn góp phần tăng tính răn đe đối với cha mẹ trong việc cố tình chậm hoặc trốn tránh thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

### 2.3. Kiến nghị

*Thứ nhất*, hoàn thiện các quy định pháp luật về cấp dưỡng cho con, Cụ thể:

**Về đối tượng cấp dưỡng:** Kiến nghị bổ sung khái niệm “không có khả năng lao động” để làm cơ sở xác định đúng đối tượng hưởng cấp dưỡng, đồng thời kiến nghị bổ sung trường hợp con đã thành niên mà không có khả năng lao động nhưng có tài sản giá trị thấp không đủ chi phí các khoản tối thiểu vào phần đối tượng được cấp dưỡng.

**Về mức cấp dưỡng:** Kiến nghị có văn bản hướng dẫn cách xác định “nhu cầu tối thiểu của người được cấp dưỡng” và “thu nhập, khả năng thực tế của người phải cấp dưỡng”. Đồng thời quy định mức cấp dưỡng tối thiểu để làm cơ sở pháp lý áp dụng cho hai trường hợp: (1) các bên thỏa thuận với nhau về mức cấp dưỡng nhưng thấp hơn so với mức sống tối thiểu của người được cấp dưỡng; và (2) trường hợp các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng thì Tòa án sẽ giải quyết nhưng Tòa án không thể xác định được thu nhập và khả năng thực tế của người phải cấp dưỡng vì do họ cố tình giấu thông tin tài chính, tài sản của mình đặc biệt họ làm nghề tự do.

Do đó, tác giả đề xuất hoàn thiện quy định như sau: “1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mức cấp dưỡng không thấp hơn mức cấp dưỡng tối thiểu.

Mức cấp dưỡng tối thiểu được xác định bằng 1/2 mức lương tối thiểu vùng tại thời điểm xét xử.”

**Về thời điểm cấp dưỡng:** Kiến nghị quy định cụ thể về thời điểm cấp dưỡng để việc áp dụng pháp luật được thống nhất ở các Tòa, tránh sự khác biệt trong các vụ án giống nhau mà có sự khác biệt.

Theo tác giả, nên quy định thời điểm cấp dưỡng cho con được xác định thời điểm các bên thỏa thuận được và Tòa án ghi cụ thể vào bản án hoặc quyết định của Tòa; nếu trong trường hợp không thỏa thuận

được thì thời điểm cấp dưỡng cho con được xác định từ thời điểm cha mẹ không sống chung với con; trường hợp cha mẹ vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng thì thời điểm cấp dưỡng được tính từ thời điểm cha mẹ vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng.”

**Về bảo đảm nghĩa vụ cấp dưỡng:** Đề xuất trong trường hợp chậm cấp dưỡng hoặc tạm dừng cấp dưỡng thì phải chịu lãi chậm trả tính theo lãi suất được quy định tại Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể: “Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hằng tháng, hằng quý, nửa năm, hằng năm hoặc một lần. Trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi chậm trả tính theo lãi suất quy định tại khoản 2, điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015”.

*Thứ hai*, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức của người dân về nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến cấp dưỡng cho con.

Như đã phân tích ở trên, một trong các nguyên nhân chính dẫn đến tranh chấp về cấp dưỡng là do cha mẹ không am hiểu pháp luật cùng với sự ích kỷ cá nhân không thực sự quan tâm đến quyền lợi của đứa con nên gây khó khăn cho Tòa án trong giải quyết vụ án. Việc tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật giúp nâng cao nhận thức của người dân về cấp dưỡng cho con, góp phần hạn chế tranh chấp kéo dài, đồng thời nâng cao ý thức chăm sóc, yêu thương con và ý thức tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con (nếu có) theo quy định pháp luật.

*Thứ ba*, nâng cao chất lượng xét xử tại Tòa án các cấp.

Tòa án là cơ quan tiến hành áp dụng pháp luật thông qua quá trình giải quyết các vụ án tranh chấp về cấp dưỡng cho con. Chất lượng xét xử của Tòa các cấp

liên quan trực tiếp đến bảo vệ quyền lợi cho đối tượng yếu thế nói chung và cho người được cấp dưỡng nói riêng. Thông qua thực tiễn xét xử tại Tòa án các cấp, thấy rõ trình độ xét xử của Thẩm phán đóng vai trò quan trọng trong việc áp dụng pháp luật. Để chất lượng xét xử tại Tòa án các cấp ngày càng nâng cao thì đội ngũ Thẩm phán, Thư ký tòa phải vừa có chuyên môn tốt vừa có đạo đức nghề nghiệp để giải thích đúng pháp luật, tư vấn giải pháp tốt nhất cho các bên tranh chấp hiểu, lựa chọn và thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, tránh trường hợp tranh chấp kéo dài hoặc trường hợp các bên tranh chấp không thể hòa giải thì Thẩm phán tiến hành giải quyết một cách công tâm đảm bảo quyền lợi cho các bên. Để được vậy, Tòa án cần tăng cường đào tạo chuyên môn thường xuyên cho Thẩm phán, Thư

ký tòa không chỉ kỹ năng xét xử mà còn cập nhật quy định pháp luật, đồng thời đẩy mạnh các buổi trao đổi chuyên môn để chia sẻ kinh nghiệm, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật...

### 3. Kết luận

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 trên cơ sở kế thừa và bổ sung quy định về cấp dưỡng cho con so với Luật Hôn nhân và gia đình 2001 đã tạo cơ sở pháp lý cơ bản để bảo vệ con trong thực thi pháp luật về cấp dưỡng. Tuy nhiên, sau gần tám năm thực hiện, quy định cấp dưỡng cho con còn vướng mắc và hạn chế trong việc áp dụng các quy định pháp luật. Thông qua bài viết, tác giả đưa ra các kiến nghị để góp phần hoàn thiện các quy định về cấp dưỡng cho con, nhằm bảo vệ trẻ em và đối tượng yếu thế trong xã hội.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tư pháp - Viện Khoa học pháp lý (2006). *Từ điển Luật học*. Hà Nội: Nxb Tư pháp.
- Chính phủ (2021). *Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình*. Truy cập ngày 5/5/2023 từ <https://thuvienphapluat.vn>.
- Học viện Tư pháp (2021). *Khảo sát mức cấp dưỡng cho con năm 2021*. Truy cập ngày 5/5/2023, từ <https://www.moj.gov.vn/>.
- Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự 2015*. Truy cập ngày 5/5/2023, từ <https://thuvienphapluat.vn>.
- Quốc hội (2014). *Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014*. Truy cập ngày 5/5/2023, từ <https://thuvienphapluat.vn>.
- Tòa án nhân dân tối cao (1999). *Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề áp dụng pháp luật*. Truy cập ngày 8/5/2023, từ <https://thuvienphapluat.vn>.
- Tòa án nhân dân tối cao (2022). *Thống kê quyết định, bản án của Tòa án nhân dân tối cao*. Truy cập ngày 8/5/2023 từ <https://congbobanan.toaan.gov.vn/0tat1cvn/ban-an-quyet-dinh>.
- Tòa án nhân dân quận Tân Bình – TP Hồ Chí Minh (2016). *Quyết định sơ thẩm số 232/2016/QĐST-HNGĐ ngày 15/03/2016*. Truy cập ngày 8/5/2023 từ <https://congbobanan.toaan.gov.vn/0tat1cvn/ban-an-quyet-dinh>.

Tòa án nhân dân H. Như Xuân - tỉnh Thanh Hóa (2020). *Quyết định sơ thẩm số 01/2020/QĐST-HNGĐ* ngày 7/1/2020. Truy cập ngày 8/5/2023 từ <https://congbobanan.toaan.gov.vn/0tat1cvn/ban-an-quyet-dinh>.

Tòa án huyện Đông Sơn (2022). *Quyết định sơ thẩm số 52/2022/QĐST-HNGĐ* ngày 7/12/2022. Truy cập ngày 5/5/2023 từ <https://congbobanan.toaan.gov.vn/0tat1cvn/ban-an-quyet-dinh>.

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn – TP Hồ Chí Minh (2022). *Bản án số 1706/2022/HNGĐ-ST* ngày 16/12/2022 Truy cập ngày 8/5/2023, từ <https://congbobanan.toaan.gov.vn/0tat1cvn/ban-an-quyet-dinh>.

Văn phòng Quốc hội (2017). *Văn bản hợp nhất Bộ luật Hình sự*. Truy cập ngày 5/5/2023 từ <https://thuvienphapluat.vn>.

Viện Ngôn ngữ học (2003). *Từ điển Tiếng Việt*. Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học.

## **DIFFICULTIES IN APPLYING THE REGULATION ON CHILD SUPPORT ACCORDING TO THE CURRENT LAW**

*Do Thi Huyen Thanh*

Dong Nai University

Email: huyenthanh8383@gmail.com

(Received: 19/4/2023, Revised: 14/5/2023, Accepted for publication: 25/5/2023)

### **ABSTRACT**

*Children are vulnerable individuals in society, subjects who need to be cared for and fully cared for by their families and communities to develop comprehensively from childhood to adulthood. Being born and raised in a happy family, loved and cared for by parents, that is really wonderful. However, in the case of divorce, parents pass away or are unable to work, children may face difficult situations in life, including lack of love, care and not enough financial resources to meet essential needs. Currently, the law has detailed regulations on child support when parents do not live with their children, helping to improve the responsibility and awareness of parents towards their children. However, these regulations still have many shortcomings in the application process and need to be studied and improved to ensure the rights of children in all circumstances.*

**Keywords:** *Difficulties in child support, child support regulations, applying child support regulations*